

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 10 - 2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Thế H, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, tại các phiên hoà giải nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Thế H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2015 tại UBND xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở Sài Gòn. Thời điểm chị mang thai thì về quê để sinh con, lúc này anh H phát sinh tình cảm với người khác. Sau này anh H trở về quê sinh sống và làm việc thì vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ anh H tại thôn L, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, chị và mẹ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng xuất hiện nhiều cãi vã. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài và không thể giải quyết được, nên tháng 9/2017 chị về chung sống tại nhà bố mẹ ruột tại thôn L, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh H. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 13/5/2015. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con vì hiện tại cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không nợ gì của ai cũng như không ai nợ vợ chồng.

Theo bản tự khai, tại các phiên hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Trần Thế H trình bày:

Anh H thừa nhận anh và chị M có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị M trình bày ở trên. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có quan điểm chung trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không như mong muốn. Nay chị làm đơn xin ly hôn thì anh có nguyện vọng được vợ chồng trở lại đoàn tụ, vì anh vẫn còn tình cảm và thương yêu vợ. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung như chị M trình bày. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H có nguyện vọng nếu ly hôn thì giao con cho vợ nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vợ chồng không có tài sản chung gì.

Sau khi tranh tụng, cả nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị M khởi kiện ly hôn với anh Trần Thế H là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền: Hiện tại anh H có hộ khẩu thường trú tại xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Trần Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/02/2015. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu không phải xuất từ vợ chồng mà do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, dẫn đến việc vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị

M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết xin được hôn với anh H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh H xuất phát từ mối quan hệ mẹ chồng, nàng dâu nhưng vợ chồng không thể giải quyết được, hiện tại vợ chồng chị M và anh H sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị M và anh H có 01 con chung như anh, chị trình bày ở trên, nếu vợ chồng ly hôn chị M và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hai bên thỏa thuận giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao con chung Trần Gia H cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị M và anh H không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp tiền án phí ly hôn, anh H phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1 và khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Trần Thế H

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 13/5/2015 cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Trần Thế H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi

tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002269, ngày 04/9/2018.

Anh Trần Thế H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(*Đã ký*)

Tưởng Thị Hà